

Số: 21/2024/CBTT-TNT

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT

- Mã chứng khoán: TNT
- Địa chỉ: Tầng 1A, tòa nhà Star City, số 23 phố Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: (84-4) 6251 0894
- Fax: (84-4) 6251 0895
- E-mail: tainguyen.tntgroup@gmail.com
- Website: <https://tnt-group.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần tập đoàn TNT công bố Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2024, Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2024 đã được soát xét:

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/08/2024 tại đường dẫn: <https://tnt-group.vn/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng bán niên năm 2024 đã được soát xét;
- BCTC hợp nhất bán niên năm 2024 đã được soát xét;

Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT

Người được UQ CBTT

Phó TGD thường trực



VŨ TUẤN HOÀNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 06 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Tầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 27

10/10/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Tầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Nguyễn Gia Long	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2. Ông Nguyễn Bá Huân	Phó Chủ tịch
3. Ông Vũ Tuấn Hoàng	Thành viên
4. Ông Nguyễn Gia Minh	Thành viên
5. Ông Nguyễn Thanh Sang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Lưu Quang Minh	Tổng Giám đốc
2. Ông Vũ Tuấn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc thường trực
3. Ông Nguyễn Bá Huân	Phó Tổng Giám đốc
4. Ông Nguyễn Sĩ Hoàn	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 07 tháng 05 năm 2024)
5. Ông Đinh Quốc Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

1. Ông Nguyễn Văn Giáp	Trưởng ban
2. Bà Trần Thị Trâm	Thành viên
3. Bà Hà Huyền Trang	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lưu Quang Minh - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Tầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lưu Quang Minh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024

Số: 082801/2024/BCSX-iCPA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 08 năm 2024, từ trang 5 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

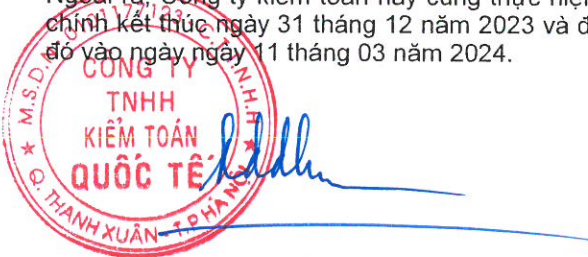
Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Công ty đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác và Công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đó vào ngày 21 tháng 07 năm 2023.

Ngoài ra, Công ty kiểm toán này cũng thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 11 tháng 03 năm 2024.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2023-072-01
Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		145.835.610.938	331.001.709.432
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.364.035.401	224.666.380.548
1. Tiền	111		1.364.035.401	24.666.380.548
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	200.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.10a	29.400.000	30.600.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		37.894.500	37.894.500
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(8.494.500)	(7.294.500)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		118.073.923.426	79.941.821.344
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	76.339.483.748	48.264.075.976
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	10.039.939.000	1.478.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	69.006.813.775	77.212.058.465
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(37.312.313.097)	(47.012.313.097)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	26.347.319.059	26.347.319.059
1. Hàng tồn kho	141		26.347.319.059	26.347.319.059
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.933.052	15.588.481
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4a	20.199.856	14.855.285
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12a	733.196	733.196
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		451.791.337.109	303.787.950.726
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		150.001.000.000	2.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	150.001.000.000	2.500.000
II. Tài sản cố định	220		21.065.654	27.385.352
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	21.065.654	27.385.352
- Nguyên giá	222		3.467.569.091	3.467.569.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.446.503.437)	(3.440.183.739)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		47.365.000	47.365.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(47.365.000)	(47.365.000)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10b	301.727.893.182	303.715.199.063
1. Đầu tư vào công ty con	251		277.000.000.000	277.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.000.000.000	30.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.272.106.818)	(3.284.800.937)
V. Tài sản dài hạn khác	260		41.378.273	42.866.311
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.4b	41.378.273	42.866.311
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		597.626.948.047	634.789.660.158

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		26.213.490.699	69.081.442.332
I. Nợ ngắn hạn	310		26.213.490.699	67.153.778.975
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	12.315.233.662	53.677.996.961
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1.000.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12b	2.709.086.516	1.761.877.837
4. Phải trả người lao động	314		198.000.000	911.927.273
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	1.991.113.989	2.192.316.729
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	4.000.053.532	2.064.246.175
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	5.000.003.000	5.115.733.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	429.681.000
II. Nợ dài hạn	330		-	1.927.663.357
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	-	1.927.663.357
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		571.413.457.348	565.708.217.826
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	571.413.457.348	565.708.217.826
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		510.000.000.000	510.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		510.000.000.000	510.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.931.000.000	1.931.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		59.482.457.348	53.777.217.826
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		53.777.217.826	46.990.545.934
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.705.239.522	6.786.671.892
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		597.626.948.047	634.789.660.158


Lê Thị Mơ
Người lập biểu


Vũ Thị Hồng Nhung
Kế toán trưởngLưu Quang Minh
Tổng Giám đốc


Ngày 28 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

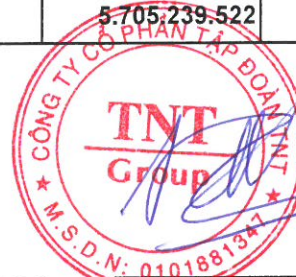
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		170.372.779.621	156.846.831.730
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	170.372.779.621	156.846.831.730
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	169.387.595.720	154.459.563.064
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		985.183.901	2.387.268.666
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	728.610.071	2.565.122.452
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.387.355.894	(699.429.114)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		398.850.013	890.473.433
8. Chi phí bán hàng	25		347.256.686	375.428.176
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	(8.189.838.395)	(3.421.958.077)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.169.019.787	8.698.350.133
11. Thu nhập khác	31		5	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	29.976.312	5.595.914
13. Lợi nhuận khác	40		(29.976.307)	(5.595.914)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.139.043.480	8.692.754.219
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	1.433.803.958	1.749.955.138
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.705.239.522	6.942.799.081


Lê Thị Mơ
Người lập biểu


Vũ Thị Hồng Nhung
Kế toán trưởng


Lưu Quang Minh
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 08 năm 2024



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

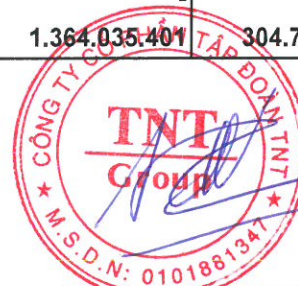
Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	7.139.043.480	8.692.754.219
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	6.319.698	144.527.702
Các khoản dự phòng	03	(7.711.494.119)	(7.280.501.847)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(728.610.071)	(2.483.544.952)
Chi phí lãi vay	06	398.850.013	890.473.433
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(895.890.999)	(36.291.445)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(178.430.602.082)	(144.947.147.557)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(43.684.822.851)	126.308.607.176
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(3.856.533)	135.195.669
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	12.891.901.049
Tiền lãi vay đã trả	14	(400.052.753)	(890.473.433)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(500.000.000)	(1.161.564.168)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(223.915.225.218)	(7.699.772.709)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(39.790.000.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	728.610.071	1.923.643.925
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	728.610.071	(37.866.356.075)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	5.000.000.000	34.672.509.999
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.115.730.000)	(42.330.378.232)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(115.730.000)	(7.657.868.233)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(223.302.345.147)	(53.223.997.017)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	224.666.380.548	357.972.645.654
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.364.035.401	304.748.648.637



Lê Thị Mơ
Người lập biểu



Vũ Thị Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Lưu Quang Minh
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 08 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Tài Nguyên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101881347 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2007 và thay đổi lần thứ 25 ngày 05 tháng 07 năm 2022. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 25 ngày 05 tháng 07 năm 2022 vốn điều lệ của Công ty là 510.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản (dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đấu giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản);
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng, bạc, đá quý và kim loại Nhà nước cấm);
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Đối với các hoạt động kinh doanh bất động sản của Công ty có chu kỳ sản xuất, kinh doanh thường kéo dài trên 12 tháng. Các hoạt động khác có chu kỳ kinh doanh với thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin về Công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 như sau:

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Quản lý quỹ và Đầu tư Tài chính TNT	Hà Nội	100%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Cát Cam Việt Nam	Hồ Chí Minh	52%	Kinh doanh bất động sản, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Tây Bắc	Hà Nội	76,09%	Kinh doanh bất động sản

6. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 10 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 15 người).

7. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là các Công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 03 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và chi phí bảo hiểm được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí công trình xây dựng, chi phí sản xuất kinh doanh khác,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả Công ty mẹ, Công ty con, Công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	781.827.378	852.007.623
Tiền gửi ngân hàng	582.208.023	23.814.372.925
Các khoản tương đương tiền	-	200.000.000.000
Cộng	1.364.035.401	224.666.380.548

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty CP ĐTXD và CN Môi trường tỉnh Điện Biên	23.918.850.000	25.118.850.000
Công ty CP Tập đoàn Tài Nguyên	45.408.994.651	-
Công ty TNHH Đá Trường Hải	6.593.463.097	6.593.463.097
Công ty Cổ phần Trường Thịnh Mêkong	-	15.211.006.643
Các khoản phải thu khách hàng khác	418.176.000	1.340.756.236
Cộng	76.339.483.748	48.264.075.976

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNTTầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B 09a - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Doanh nghiệp tư nhân Thủy Nga Điện Biên	1.070.000.000	1.070.000.000
CTCP Tập đoàn Đầu tư Thời cơ Việt Nam	1.874.320.000	-
Công ty Cổ phần Cát Cam An Giang	6.304.077.000	-
Các nhà cung cấp khác	791.542.000	408.000.000
Cộng	10.039.939.000	1.478.000.000
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)</i>	1.874.320.000	-

4. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	115.228
Chi phí bảo hiểm	20.199.856	14.207.769
Chi phí khác	-	532.288
Cộng	20.199.856	14.855.285
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	23.580.696	35.043.732
Chi phí khác	17.797.577	7.822.579
Cộng	41.378.273	42.866.311

5. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Phải thu ngắn hạn khác		
Tạm ứng	4.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	6.504.805.775	4.935.177
Phải thu ngắn hạn khác	58.502.008.000	77.207.123.288
- Công ty CP Đầu tư XD và Công nghệ Môi trường tỉnh Điện Biên (i)	15.500.000.000	24.000.000.000
- Công ty CP Tập đoàn Thành Nam	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty CP Tổng Công ty MBLand (ii)	40.000.000.000	50.000.000.000
- Phải thu khác	2.008.000	207.123.288
Cộng	69.006.813.775	77.212.058.465
b) Phải thu dài hạn khác		
Phải thu CTCP Khu Đô Thị Nam Trường Chinh (iii)	150.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.000.000	2.500.000
Cộng	150.001.000.000	2.500.000
c) Phải thu khác là các bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)</i>	150.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)**

- (i) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/2016-HĐHTĐT ngày 05 tháng 01 năm 2016 giữa Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Môi trường tỉnh Điện Biên và Công ty Cổ phần Tài nguyên (nay là Công ty CP Tập đoàn TNT) về việc hợp tác đầu tư xây dựng, quản lý khai thác và kinh doanh dự án khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm, phường Thanh Bình, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên do Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Môi trường tỉnh Điện Biên làm chủ đầu tư, trong hợp đồng Công ty Cổ phần Tài nguyên góp 24 tỷ đồng tương ứng với 65% vốn đầu tư của dự án; hình thức hai bên sẽ thực hiện phân chia lợi nhuận từ việc hợp tác. Ngày 10 tháng 04 năm 2023, Công ty thực hiện thanh lý hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Môi trường tỉnh Điện Biên do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Môi trường tỉnh Điện Biên chưa hoàn tất được thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của dự án.
- (ii) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0912/2019-HĐHT/MBL-TN ngày 09 tháng 12 năm 2019 giữa Công ty Cổ phần Tổng Công ty MBLAND và Công ty Cổ phần Tài Nguyên (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT) về việc hợp tác kinh doanh dự án tổ hợp khách sạn – resort cao cấp tại lô D11 khu 1 thuộc khu du lịch Bắc Bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa do Công ty Cổ phần Tổng Công ty MBLAND làm chủ đầu tư, tổng vốn đầu tư dự kiến là 660 tỷ đồng, trong đó phần vốn hợp tác kinh doanh do Công ty Cổ phần Tài Nguyên góp là 50 tỷ đồng, hình thức hai bên sẽ thực hiện phân chia lợi nhuận từ việc hợp tác. Ngày 20 tháng 12 năm 2023, Công ty thực hiện thanh lý hợp đồng với Công ty Cổ phần Tổng Công ty MBLAND do Công ty Cổ phần Tổng Công ty MBLAND chưa hoàn tất được thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của dự án.
- (iii) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/HĐHTĐT/NTC - TNT ngày 25 tháng 03 năm 2024 giữa Công ty Cổ phần khu đô thị Nam Trường Chinh và Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT về việc hợp tác thực hiện dự án: Khu đô thị mới Nam Trường Chinh tại phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi và xã Nghĩa Điền, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi với tổng diện tích nghiên cứu dự án khoảng 43,8 ha. Tổng vốn đầu tư dự án là 1.815.666.000.000 đồng, trong đó Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT góp 150.000.000.000 đồng. Tiến độ thực hiện dự án 06 năm kể từ ngày nhà đầu tư được lựa chọn theo quy định (Quyết định chấp thuận nhà đầu tư số 289/QĐ-UBND ngày 18 tháng 04 năm 2023 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Quảng Ngãi). Phân chia lợi nhuận và chịu lỗ theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên. Tùy vào tình hình hoạt động kinh doanh của Dự án, các bên thống nhất sẽ trích lại một khoản lợi nhuận để thanh toán chi phí quản lý, kinh doanh dự án và lập quỹ tái đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Tầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương
 Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**6. NỢ XẤU**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng	33.512.313.097	-	(33.512.313.097)	34.712.313.097
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và CN Môi trường tỉnh Điện Biên	23.918.850.000	-	(23.918.850.000)	25.118.850.000
Công ty TNHH Đá Trường Hải	6.593.463.097	-	(6.593.463.097)	6.593.463.097
Công ty CP Tập đoàn Thành Nam	3.000.000.000	-	(3.000.000.000)	3.000.000.000
Phải thu khác	15.800.000.000	12.000.000.000	(3.800.000.000)	24.300.000.000
Công ty CP Đầu tư XD và Công nghệ Môi trường tỉnh Điện Biên	15.500.000.000	12.000.000.000	(3.500.000.000)	24.000.000.000
Công ty CP Đầu tư BĐS và Kiểm định xây dựng Việt Nam	175.000.000	-	(175.000.000)	175.000.000
Liên đoàn Bản đồ địa chất miền Bắc	100.000.000	-	(100.000.000)	100.000.000
Công ty CP Chứng khoán SME	25.000.000	-	(25.000.000)	25.000.000
Cộng	49.312.313.097	12.000.000.000	(37.312.313.097)	59.012.313.097
				12.000.000.000
				(47.012.313.097)

Giá trị dự phòng của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị có thể thu hồi của các khoản công nợ.

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	26.347.319.059	-	26.347.319.059	-
Cộng	26.347.319.059	-	26.347.319.059	-

(*) Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 14/2017/HĐXD/HĐ-TN ngày 10 tháng 03 năm 2017: Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT là nhà thầu thi công kỹ thuật (giao thông, tường kê, tường rào, thoát nước mưa, thoát nước thải) của dự án Khu nhà ở Tân Thanh tại phường Tân Thanh và phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Dự án đang trong quá trình nghiệm thu và quyết toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày đầu kỳ	3.429.650.909	37.918.182	3.467.569.091
Mua trong kỳ	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	3.429.650.909	37.918.182	3.467.569.091
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày đầu kỳ	3.429.650.909	10.532.830	3.440.183.739
Khấu hao trong kỳ	-	6.319.698	6.319.698
Tại ngày cuối kỳ	3.429.650.909	16.852.528	3.446.503.437
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	-	27.385.352	27.385.352
Tại ngày cuối kỳ	-	21.065.654	21.065.654

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 3.429.650.909 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 3.429.650.909 đồng).

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày đầu kỳ	47.365.000	47.365.000
Mua trong kỳ	-	-
Tại ngày cuối kỳ	47.365.000	47.365.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày đầu kỳ	47.365.000	47.365.000
Khấu hao trong kỳ	-	-
Tại ngày cuối kỳ	47.365.000	47.365.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	-

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 47.365.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 47.365.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Tầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương
 Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn	37.894.500	29.400.000	(8.494.500)	37.894.500	30.600.000	(7.294.500)
Chứng khoán kinh doanh	37.894.500	29.400.000	(8.494.500)	37.894.500	30.600.000	(7.294.500)
b. Dài hạn	307.000.000.000	-	(5.272.106.818)	307.000.000.000	-	(3.284.800.937)
Đầu tư góp vốn vào công ty con	277.000.000.000	-	(1.987.305.881)	277.000.000.000	-	-
- Công ty TNHH Quản lý quỹ và Đầu tư Tài chính TNT	50.000.000.000	(*)	(1.987.305.881)	50.000.000.000	(*)	-
- Công ty Cổ phần Cát Cam Việt Nam	52.000.000.000	(*)	-	52.000.000.000	(*)	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Tây Bắc	175.000.000.000	(*)	-	175.000.000.000	(*)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30.000.000.000	-	(3.284.800.937)	30.000.000.000	-	(3.284.800.937)
- Công ty CP Quản lý vốn và khai thác tài sản Thời cơ Việt Nam	30.000.000.000	(*)	(3.284.800.937)	30.000.000.000	(*)	(3.284.800.937)
Cộng	307.037.894.500	29.400.000	(5.280.601.318)	307.037.894.500	30.600.000	(3.292.095.437)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Tầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương
 Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Cát Cam An Giang	9.495.188.594	9.495.188.594	-	-
Công ty TNHH TM SX Lan Anh Hoa Cường	1.587.000.000	1.587.000.000	1.587.000.000	1.587.000.000
Công ty TNHH XD Việt Đức	449.402.160	449.402.160	449.402.160	449.402.160
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Tổ chức sự kiện Trường Thịnh	-	-	323.122.800	323.122.800
Công ty CP Thương mại và Xây dựng Đông Dương	-	-	44.894.690.794	44.894.690.794
Công ty Cổ phần Cát Cam Việt Nam	-	-	5.871.394.499	5.871.394.499
Phải trả các đối tượng khác	783.642.908	783.642.908	552.386.708	552.386.708
Cộng	12.315.233.662	12.315.233.662	53.677.996.961	53.677.996.961
b) Phải trả người bán là các bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)</i>	-	-	5.871.394.499	5.871.394.499

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Phí, lệ phí và các khoản phải thu khác từ Nhà nước	733.196	-	-	733.196
Cộng	733.196	-	-	733.196
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	9.935.183	17.037.277.970	17.034.010.294	13.202.859
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.734.434.406	1.433.803.958	500.000.000	2.668.238.364
Thuế thu nhập cá nhân	17.508.248	94.145.339	84.008.294	27.645.293
Cộng	1.761.877.837	18.565.227.267	17.618.018.588	2.709.086.516

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Tầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương
 Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty CP Xây dựng Henyco Việt Nam	1.991.113.989	1.991.113.989
Công ty TNHH Kiểm toán TTP	-	200.000.000
Chi phí lãi vay	-	1.202.740
Cộng	1.991.113.989	2.192.316.729

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	67.791.787	59.647.787
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.932.261.745	2.004.598.388
Cộng	4.000.053.532	2.064.246.175
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	1.927.663.357
- Công ty CP Thương mại Kỹ thuật Hải Anh	-	300.000.000
- Công ty TNHH Phước Hải Lộc	-	1.627.663.357
Cộng	-	1.927.663.357

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Tầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương
 Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN (TIẾP THEO)**15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay ngắn hạn	5.000.003.000	5.000.003.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.003.000	5.000.003.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN - CN Đông Đô	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
- Công ty CP Chứng khoán SSI - CN Hà Nội	3.000	3.000	-	-	3.000	3.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	115.730.000	115.730.000
- Ngân hàng TMCP Kiên Long - PGD Ba Đình	-	-	-	-	115.730.000	115.730.000
Cộng	5.000.003.000	5.000.003.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.115.733.000	5.115.733.000
b. Vay dài hạn	-	-	-	115.730.000	115.730.000	115.730.000
- Ngân hàng TMCP Kiên Long - PGD Ba Đình	-	-	-	115.730.000	115.730.000	115.730.000
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	115.730.000	115.730.000
- Ngân hàng TMCP Kiên Long - PGD Ba Đình	-	-	-	-	115.730.000	115.730.000
Cộng	-	-	-	-	-	-

- (i) Hợp đồng hạn mức thấu chi số DDA20231266122/HDHMTTC ngày 11 tháng 09 năm 2023 tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Đông Đô. Hạn mức thấu chi là 5.000.000.000 đồng. Mục đích là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn sử dụng thấu chi là 12 tháng từ ngày 11 tháng 09 năm 2023 đến hết ngày 11 tháng 09 năm 2024. Lãi suất áp dụng đến ngày 30 tháng 09 năm 2023 là 15,37%/năm sau đó được điều chỉnh 01 tháng 01 lần bằng lãi suất cơ bản của Techcombank thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,89%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.
- (ii) Hợp đồng mở tài khoản chứng khoán và đăng ký dịch vụ ký quỹ số 003C5566796 ngày 15 tháng 11 năm 2022 tại Công ty CP Chứng khoán SSI – CN Hà Nội – PGD Lê Văn Lương. Thời hạn vay là 90 ngày, tài sản thế chấp chính là các mã chứng khoán mà Công ty CP Tập đoàn TNT ký quỹ tại Công ty CP Chứng khoán SSI. Lãi suất áp dụng theo từng mã chứng khoán và từng thời điểm cụ thể.
- (iii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Kiên Long - PGD Ba Đình theo hợp đồng tín dụng số 079/17/HDTD/0802-6251 ngày 19 tháng 05 năm 2017. Hạn mức tín dụng là 1.943.000.000 đồng. Mục đích mua xe ô tô Mercedes - Benz E250. Thời hạn 84 tháng. Lãi suất căn cứ vào giấy nhận nợ. Biện pháp bảo đảm là tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị, phương tiện vận tải số 008/17/HĐTC.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNTTầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B 09a - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****16. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	510.000.000.000	1.931.000.000	46.990.545.934	558.921.545.934
Lợi nhuận năm trước	-	-	6.786.671.892	6.786.671.892
Số dư đầu kỳ này	510.000.000.000	1.931.000.000	53.777.217.826	565.708.217.826
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	5.705.239.522	5.705.239.522
Số dư cuối kỳ này	510.000.000.000	1.931.000.000	59.482.457.348	571.413.457.348

b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	51.000.000	51.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	51.000.000	51.000.000
- Cổ phiếu bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	51.000.000	51.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	51.000.000	51.000.000
- Cổ phiếu bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Doanh thu bán hàng hóa	170.372.779.621	156.846.831.730
Cộng	170.372.779.621	156.846.831.730

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán hàng hóa	169.387.595.720	154.459.563.064
Cộng	169.387.595.720	154.459.563.064

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	728.610.071	1.923.643.925
Lãi bán các khoản đầu tư	-	641.478.527
Cộng	728.610.071	2.565.122.452

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	398.850.013	890.473.433
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	1.988.505.881	(1.671.480.047)
Chi phí tài chính khác	-	81.577.500
Cộng	2.387.355.894	(699.429.114)

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí đồ dùng văn phòng	601.148.012	-
Chi phí nguyên, vật liệu	-	6.794.772
Chi phí nhân công	638.159.000	914.804.997
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.319.698	144.527.702
Thuế, phí, lệ phí	76.856.653	4.000.000
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(9.700.000.000)	(5.609.021.800)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	126.015.445	1.093.158.700
Chi phí khác bằng tiền	61.662.797	23.777.552
Cộng	(8.189.838.395)	(3.421.958.077)

6. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản bị phạt	29.976.312	5.595.914
Cộng	29.976.312	5.595.914

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.139.043.480	8.692.754.219
Các khoản điều chỉnh tăng	29.976.312	57.021.571
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	29.976.312	57.021.571
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	7.169.019.792	8.749.775.790
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.433.803.958	1.749.955.138
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.433.803.958	1.749.955.138

8. LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi cơ bản trên cổ phiếu", Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Tầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương
 Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Quản lý quỹ và Đầu tư Tài chính TNT	Công ty con
Công ty Cổ phần Cát Cam Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Tây Bắc	Công ty con
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Thời cơ Việt Nam	Ông Nguyễn Gia Long là Chủ tịch HĐQT và ông Nguyễn Bá Huấn là TGD kiêm đại diện pháp luật của Công ty CP Tập đoàn Thời cơ Việt Nam
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Lãnh đạo Công ty
CTCP Khu Đô Thị Nam Trường Chinh	Ông Nguyễn Gia Long là cổ đông lớn của CTCP Khu Đô Thị Nam Trường Chinh

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng	1.464.476.096	38.716.831.360
Công ty Cổ phần Cát Cam Việt Nam	895.676.096	38.337.631.360
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Thời cơ Việt Nam	568.800.000	379.200.000
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	150.000.000.000	-
CTCP Khu Đô Thị Nam Trường Chinh	150.000.000.000	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trả trước cho người bán	1.874.320.000	-
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Thời cơ Việt Nam	1.874.320.000	-
Phải thu khác dài hạn	150.000.000.000	-
CTCP Khu Đô Thị Nam Trường Chinh	150.000.000.000	-
Phải trả người bán	-	5.871.394.499
Công ty Cổ phần Cát Cam Việt Nam	-	5.871.394.499

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập, thù lao và các khoản phụ cấp của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị trong kỳ như sau:

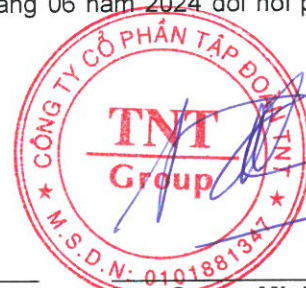
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Lưu Quang Minh	210.800.000	180.000.000
Ông Nguyễn Bá Huấn	141.000.000	120.000.000
Ông Vũ Tuấn Hoàng	141.000.000	120.000.000
Ông Đinh Quốc Hoàng	-	40.000.000
Cộng	492.800.000	460.000.000

2. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2024 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lê Thị Mơ
Người lập biểu

Vũ Thị Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Lưu Quang Minh
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 08 năm 2024